

## BÁO CÁO

### Kết quả 01 năm thực hiện công tác chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Đắk Nông theo Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 01/11/2021 của Tỉnh ủy

Thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 01/11/2021 của Tỉnh ủy Đắk Nông về việc thực hiện chuyển đổi số tỉnh Đắk Nông đến năm 2022, định hướng đến năm 2030; UBND tỉnh báo cáo Kết quả 01 năm thực hiện công tác chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Đắk Nông theo Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 01/11/2021 của Tỉnh ủy, cụ thể như sau:

#### PHẦN I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2022

##### I. NHẬN THỨC SỐ

###### 1. Kết quả đạt được

*Ban chỉ đạo chuyển đổi số của tỉnh*

- Kiện toàn Ban chỉ đạo chuyển đổi số (sau đây viết tắt là BCD) theo Quyết định số 386/QĐ-UBND ngày 16/02/2022 của UBND tỉnh: Trưởng BCD là Chủ tịch UBND tỉnh, 04 Phó Trưởng BCD là các Phó Chủ tịch UBND tỉnh, Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy và 38 ủy viên là Thủ trưởng các Sở, ngành, địa phương và doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực viễn thông và công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh.

- Ban chỉ đạo chuyển đổi số của tỉnh đã ban hành Kế hoạch hoạt động trong năm 2022 tại Văn bản số 348/KH-BCĐ ngày 17/6/2022, trong đó bám sát theo kế hoạch hoạt động của Ủy ban quốc gia về chuyển đổi số tại Quyết định số 27/QĐ-UBQGCS ngày 15/3/2022.

*Ngày chuyển đổi số*

- Ngày 01/11 hàng năm là Ngày Chuyển đổi số tỉnh Đắk Nông tại Quyết định số 762/QĐ-UBND ngày 25/4/2022 của UBND tỉnh. Tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 531/KH-UBND ngày 19/9/2022 về việc tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2022 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; gồm 04 hoạt động là hoạt động tuyên truyền, truyền thông, Tổ chức Ngày Chuyển đổi số tỉnh Đắk Nông năm 2022, Tổ chức ra quân phổ biến, hỗ trợ người dân cài đặt, sử dụng sản phẩm dịch vụ số, Tổ chức hoạt động của các doanh nghiệp.

*Các kênh tuyên truyền*

- Tất cả các cơ quan báo, đài của tỉnh và Công thông tin điện tử tỉnh đã có chuyên mục tuyên truyền về chuyển đổi số (Báo Đắk Nông, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh). Từ đầu năm 2022, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh đã mở Chuyên mục “Cuộc sống số” (thời lượng 15 phút/chuyên mục, tần suất 2 chuyên mục/tháng) và Tiểu mục “Chuyển đổi số” (thời lượng 5 phút/Tiểu mục; tần suất 4

tiểu mục/tháng), đến nay sản xuất được hơn 320 tin, bài về công tác chuyển đổi số; Cổng Thông tin điện tử tỉnh kịp thời thông tin về kết quả, chính sách của Đảng, Nhà nước về công cuộc Chuyển đổi số của tỉnh cũng như toàn quốc. Báo Đắk Nông duy trì chuyên mục “Chuyển đổi số” trên báo in Đắk Nông và Báo điện Đắk Nông (01 chuyên mục/tuần; đến nay có gần 100 tin, bài trong chuyên mục).

- Trên hệ thống truyền thanh cấp huyện, cấp cơ sở: Có 8/8 Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông cấp huyện triển khai công tác tuyên truyền về chuyển đổi số trên Đài Truyền thanh (trong đó, có 5/8 đơn vị xây dựng chuyên mục riêng về chuyển đổi số); có 39/71 Đài Truyền thanh xã, phường, thị trấn có chuyên mục riêng tuyên truyền về CDS; 10/71 Đài Truyền thanh xã, phường có tin, bài về CDS. Tần suất Đài Truyền thanh cấp huyện: 01 chuyên mục/tuần; 2-3 tin, bài/chuyên mục. Tần suất Đài Truyền thanh cấp xã: 01 chuyên mục/tuần; 1-3 tin, bài/chuyên mục.

- Trên Trang thông tin điện tử: có 27/27 đơn vị (đạt tỷ lệ 100%) có triển khai tuyên truyền về chuyển đổi số trên trang thông tin điện tử, trong đó, có 23/27 đơn vị có chuyên mục riêng tuyên truyền về chuyển đổi số trên trang thông tin điện tử.

- Trên mạng xã hội: Thiết lập được 01 Kênh Zalo OA cấp tỉnh; 01 fanpage cấp tỉnh (Kênh zalo Chuyển đổi số tỉnh Đắk Nông đã thu hút được 465 người theo dõi kênh, fanpage facebook Chuyển đổi số tỉnh Đắk Nông với 293 người theo dõi). Tổ chức tuyên truyền chuyển đổi số thông qua các Zalo OA và Fanpage: có 18/19 Sở, ngành cấp tỉnh; 8/8 huyện, thành phố; 49/71 xã, phường, thị trấn triển khai thực hiện tuyên truyền.

- Cổ động trực quan: Có 77 cơ quan, đơn vị, xã, phường thực hiện treo banner tuyên truyền hưởng ứng Ngày chuyển đổi số Quốc gia, Ngày chuyển đổi số tỉnh Đắk Nông.

- Sở Thông tin và Truyền thông đã ban hành 12 văn bản triển khai và hướng dẫn triển khai tuyên truyền các nội dung liên quan đến công tác Chuyển đổi số năm 2022 cho các cơ quan báo chí, truyền thông, cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.

## **2. Hạn chế**

- Tỉnh chưa có chuyên trang riêng để thực hiện công tác tuyên truyền về chuyển đổi số theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức số tại một số đơn vị chưa sâu sắc, chưa đạt được hiệu quả. Cán bộ, công chức, viên chức của một số đơn vị chưa nắm bắt được các nhiệm vụ chuyển đổi số của đơn vị, ngành.

- Hình thức thực hiện tuyên truyền, phổ biến theo cách thức truyền thống là tổ chức hội nghị, hội thảo hoặc tuyên truyền, phổ biến các nội dung chung chung, chưa gắn với yêu cầu thực tiễn của ngành, địa phương.

- Số người tham gia kênh truyền thông về chuyển đổi số trên mạng xã hội còn hạn chế, ước tính đạt khoảng 5% so với tổng số cán bộ, công chức, viên chức và khoảng 18,5% so với tổng số thành viên của tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh.

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022
Ban chỉ đạo chuyển đổi số		
<i>Cấp tỉnh</i>	<i>1</i>	<i>1</i>
<i>Các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện</i>	<i>0/27</i>	<i>27/27 (100%)</i>
Kế hoạch hoạt động trong năm của BCD	Chưa	Có
Tuyên truyền trên trang thông tin điện tử của các đơn vị	0	27/27 (100%)
Tuyên truyền qua mạng xã hội	Chưa	Kênh Zalo OA, fanpage facebook
Có chuyên trang cấp tỉnh về chuyển đổi số	Chưa	Chưa
Cổng thông tin điện tử của tỉnh có chuyên mục riêng về chuyển đổi số	Chưa	Cổng TTĐT có chuyên mục về chuyển đổi số, đăng đầy đủ các nội dung về tài liệu hướng dẫn; cẩm nang/ sổ tay chuyển đổi số; các infographic tuyên truyền; tin, bài về công tác CDS trong nước và của địa phương
Cơ quan báo chí của tỉnh có chuyên mục riêng về chuyển đổi số	Chưa	Báo Đắc Nông có chuyên mục “Chuyển đổi số”. Tần suất 4 chuyên mục/ tháng Kết quả: Đã đạt
Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh có chuyên mục riêng về chuyển đổi số	Chưa	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh có Chuyên mục “Cuộc sống số” (15 phút/chuyên mục, 2 chuyên mục /tháng) và Tiểu mục “Chuyển đổi số” (5 phút /Tiểu mục; 4 tiểu mục/ tháng).
Tần suất Đài Phát thanh và Truyền hình phát sóng chuyên mục riêng về chuyển đổi số	Chưa	Chuyên mục “Cuộc sống số” (15p/ chuyên mục, 2 chuyên mục/tháng) và Tiểu mục “Chuyển đổi số” (5p/Tiểu mục; 4 tiểu mục/tháng). Đến nay, sản xuất được khoảng 320 tin, bài.
Hệ thống truyền thanh cơ sở có chuyên mục riêng về chuyển đổi số	Chưa	- có 5/8 Đài Truyền thanh cấp huyện xây dựng chuyên mục riêng về CDS; 3/8 Đài Truyền thanh cấp huyện duy trì đưa 2-3 tin CDS/ tuần. - Có 39/71 Đài Truyền thanh xã, phường có chuyên mục riêng tuyên truyền về CDS; 10/71 Đài Truyền thanh xã, phường có tin, bài về CDS

Tần suất hệ thống truyền thanh cơ sở phát sóng chuyên mục riêng về chuyển đổi số	Chưa	Tần suất Đài Truyền thanh cấp huyện: 01 chuyên mục/ tuần; 2-3 tin, bài/ chuyên mục; Tần suất Đài Truyền thanh cấp xã: 01 chuyên mục/ tuần; 1-3 tin, bài/ chuyên mục
--	------	---

## II. THỂ CHẾ SỐ

### 1. Kết quả đạt được

*Tại tỉnh:*

- Ban hành kế hoạch chuyển đổi số giai đoạn 05 năm tại Quyết định số 570/QĐ-UBND ngày 21/3/2022 của UBND tỉnh về ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 01/11/2021 của Tỉnh ủy về Chuyển đổi số tỉnh Đắk Nông đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và kế hoạch năm 2022 tại Quyết định số 231/QĐ-UBND ngày 26/01/2022 của UBND tỉnh về ban hành Kế hoạch chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin mạng tỉnh Đắk Nông năm 2022.

- Trong năm 2022, UBND tỉnh đã ban hành 39 Văn bản chỉ đạo, định hướng, hướng dẫn về chuyển đổi số, trong đó có: 03 văn bản quy phạm pháp luật, 20 Quyết định, 15 Kế hoạch, 01 Chỉ thị (*Chi tiết theo Phụ lục I*).

*Tại các cơ quan, đơn vị, địa phương:*

- Cấp tỉnh: Có 19/19 Sở, ban, ngành ban hành kế hoạch thực hiện trong năm 2022, trong đó: có 13/19 đơn vị ban hành kế hoạch chuyển đổi số lồng ghép với kế hoạch phát triển chính quyền số, ứng dụng công nghệ thông tin; 10/19<sup>1</sup> đơn vị ban hành kế hoạch riêng về chuyển đổi số; 19/19 Sở, ban, ngành đã thành lập Ban/Tổ chỉ đạo chuyển đổi số; một số ngành đã có kế hoạch chuyển đổi số của ngành, lĩnh vực<sup>2</sup>.

- Cấp huyện: Có 08/08 huyện, thành phố Gia Nghĩa đã ban hành kế hoạch thực hiện trong năm 2022, trong đó: có 02/08 địa phương ban hành kế hoạch chuyển đổi số lồng ghép với kế hoạch phát triển chính quyền số, ứng dụng công nghệ thông tin; 06/08<sup>3</sup> địa phương ban hành kế hoạch riêng về chuyển đổi số. Có 08/08 địa phương đã thành lập Ban chỉ đạo chuyển đổi số.

### 2. Hạn chế

- Kế hoạch hành động năm 2022 của nhiều Sở, ngành, địa phương còn thiếu chi tiết, chưa xác định rõ trách nhiệm và nguồn lực triển khai.

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	SS Chỉ tiêu 2022
Kế hoạch chuyển đổi số 05 năm	Có	Có	Đạt
Kế hoạch chuyển đổi số của năm	Chưa	Có	Đạt

<sup>1</sup> Các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Khoa học và Công nghệ, Thông tin và Truyền thông, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Nội vụ, Tài chính, Xây dựng, Y tế; Thanh tra tỉnh và Ban quản lý các KCN tỉnh.

<sup>2</sup> Ngành giáo dục và đào tạo, ngành công thương, ngành nông nghiệp, tài nguyên và môi trường

<sup>3</sup> UBND các huyện: Đắk Song, Đắk G'long, K'rông Nông, Đắk Mil, Tuy Đức và UBND thành phố Gia Nghĩa.

Kế hoạch chuyển đổi số tại các đơn vị	0	100%	Đạt
Ban/Tổ chỉ đạo chuyển đổi số	0	100%	Đạt

### III. HẠ TẦNG SỐ

#### 1. Kết quả đạt được

- Số lượng xã, phường, thị trấn được kết nối cáp quang đến trung tâm: 71. Phủ sóng 4G đến 98% thôn, buôn, bon: 698 đơn vị (tăng 08 đơn vị so với năm 2021). Tỉnh Đắk Nông đã triển khai thử nghiệm mạng di động 5G (của Viettel) tại 04 điểm trên địa bàn thành phố Gia Nghĩa.

- Các doanh nghiệp viễn thông di động đã triển khai phủ sóng được 06/10 vùng lõm sóng, thôn lõm sóng (theo Công văn số 848/CVT-PTHT của Cục Viễn thông, Bộ Thông tin và Truyền thông). Ngoài ra, các doanh nghiệp viễn thông di động đã triển khai phủ sóng thêm 17 thôn, bon, bản tại 07 huyện trên địa bàn tỉnh, đang triển khai tại khu du lịch Tà Đùng, huyện Đắk G'long.

- Số thuê bao di động sử dụng dịch vụ Mobile Money là 15.321 thuê bao, tăng 1,5 lần so với cùng kỳ năm 2021 (10.280).

- Tốc độ truy cập mạng băng rộng tính trung bình khoảng 400 Mpbs đối với cá nhân và 500 Mpbs đối với doanh nghiệp.

#### 2. Hạn chế

- Việc xóa vùng lõm sóng viễn thông còn chậm theo tiến độ đề ra, các khu vực chưa xóa lõm sóng gồm: cụm 6,8,9 xã Đắk R'Măng, Bon B'nom, xã Đắk P'lao thuộc huyện Đắk G'long do có liên quan đến vị trí và quy hoạch.

- Việc triển khai thí điểm mạng di động 5G còn chậm tiến độ đặt ra.

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Tăng/giảm
<b>I</b>	<b>Hạ tầng</b>			
1	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn được kết nối cáp quang đến trung tâm	100%	100%	0
2	Tỷ lệ phủ sóng 4G đến thôn, buôn, bon	97%	98%	+1%
3	Tỷ lệ HGD có máy tính	23,17 %	24,17 %	+1%
4	Tỷ lệ HGD có kết nối băng rộng cố định (BRCD)	50,65 %	53,65 %	+3%
<b>II</b>	<b>Thuê bao Internet</b>			
5	Tỷ lệ người sử dụng Internet	73,08 %	74,03 %	+1%
6	Thuê bao BRCD/100 dân	13,89	14,64	+0,95%
7	Thuê bao BRDD/100 dân	52,7	75,12	
<b>III</b>	<b>Thuê bao di động</b>			
8	Tỷ lệ thuê bao điện thoại thông minh	76,23 %	88,74%	+12,51%
9	Thuê bao điện thoại di động (ĐTDD) sử dụng điện thoại thông minh (SMP)/100 dân	92,19	106,6	14,41

10	Tỷ lệ người sử dụng điện thoại di động 2G (FP)/dân số	9,37 %	5,95 %	- 3,42
<b>IV</b>	<b>Hạ tầng số khác</b>			
11	Vùng lõm sóng	10	6	- 4
12	Số thuê bao di động sử dụng dịch vụ Mobile Money	10.280	15.321	+ 1,5 lần

#### **IV. NHÂN LỰC SỐ**

##### **1. Kết quả đạt được**

*Hiện trạng nhân lực tại các cơ quan, đơn vị, địa phương:*

- 100% cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện có chuyên trách hoặc giao phụ trách công nghệ thông tin. Chuyên trách công nghệ thông tin có trình độ chuyên ngành CNTT, cụ thể: đại học là 25/28, đạt tỷ lệ 89,29%; cao đẳng: 02/28, đạt tỷ lệ 7,14%; có trình độ khác: 01/28, chiếm 3,57%.

- Đã hoàn thành việc thành lập 100% tổ công nghệ số cộng đồng cấp xã, thôn với khoảng 4.078 thành viên, cụ thể: 71/71 tổ công nghệ số cộng đồng cấp xã với khoảng 710 thành viên, 713/713 Tổ công nghệ số cộng đồng cấp thôn với 3.368 thành viên là cán bộ Ban tự quản và hội đoàn thể các thôn, tổ dân phố.

*Công tác tập huấn, nâng cao nhận thức:*

- Tại Hội nghị báo cáo viên Trung ương tháng 07/2022, Tỉnh ủy (Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy) đã phối hợp mời các chuyên gia đầu ngành về chuyển đổi số của Trung ương về quán triệt cho hơn 200 đại biểu là đội ngũ cán bộ chủ chốt từ tỉnh, huyện và 100% xã, phường, thị trấn...

- Đã tổ chức 03 lớp tập huấn Nâng cao năng lực chuyển đổi số - Hướng đến một quốc gia số toàn diện cho 173 đại biểu là lãnh đạo các cơ quan Đảng, Nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã; 39 đại biểu là đại diện của các doanh nghiệp vừa và nhỏ, hộ sản xuất kinh doanh, hợp tác xã; khoảng 1.750 đại biểu chủ yếu là thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng tại cấp huyện và cấp xã (hình thức trực tiếp và trực tuyến).

- Trong tháng 09/2022, tỉnh đã phối hợp với Cục Chuyển đổi số quốc gia, Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức Hội nghị tập huấn cho Tổ công nghệ số cộng đồng tại 80 điểm cầu có 2.997 đại biểu tham dự, đạt tỷ lệ 73,5%. Đồng thời, đã hướng dẫn phổ cập kỹ năng số cho tổ công nghệ số cộng đồng.

- Tháng 11/2022, tỉnh đã tổ chức Hội thảo với chủ đề “chuyển đổi số vì một cuộc sống tốt đẹp hơn” được tổ chức theo hình thức trực tiếp và trực tuyến 80 tại điểm cầu cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh, nhằm tạo cơ hội trao đổi, hợp tác giữa các cơ quan nhà nước và các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, giải pháp chuyển đổi số, góp phần nâng cao hiệu quả thúc đẩy phát triển các nền tảng số hướng đến thực hiện thành công Chuyển đổi số tỉnh Đắk Nông.

- Hoàn thành chương trình đào tạo về chuyển đổi số cho lãnh đạo cấp xã, theo đó, số lượng học viên hoàn thành là 195/203 người, đạt tỷ lệ 96%.

##### **2. Hạn chế**

- Chỉ số Nhân lực số khó có các biện pháp khắc phục, do trên địa bàn tỉnh

chưa có trường Đại học đào tạo về chuyển đổi số tại chỗ và với điều kiện kinh tế của tỉnh còn hạn chế, chưa thu hút nguồn nhân lực trình độ công nghệ thông tin.

- Nguồn nhân lực tham mưu quản lý nhà nước, triển khai Chuyển đổi số tại Sở Thông tin và Truyền thông còn thiếu và còn hạn chế về năng lực. Hoạt động của tổ công nghệ số cộng đồng còn chưa phát huy được hiệu quả.

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Tăng/ giảm
Tập huấn về chuyển đổi số	0 Lớp	5 Lớp	+5
Thành lập Tổ CNSCĐ cấp xã	0%	100%	+100%
Thành lập Tổ CNSCĐ cấp thôn	0%	100%	+100%
Tập huấn cho Tổ công nghệ số cộng đồng	0%	73,5%	+73,5%
Chương trình tập huấn cho lãnh đạo cấp xã	0%	96%	+96%

## V. AN TOÀN, AN NINH MẠNG

### 1. Kết quả đạt được

- Đã triển khai kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin theo quy định của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP và Thông tư số 03/2017/TT-BTTTT cho 20/27<sup>4</sup> Sở, ngành, UBND cấp huyện (đạt tỷ lệ 74%). Số lượng hệ thống thông tin đã được phê duyệt là 49/67 (đạt tỷ lệ 73%).

- Triển khai Hệ thống giám sát an toàn thông tin mạng (SOC) cho 15/15 máy chủ vật lý và 68/69 máy chủ ảo hóa tại Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh và kết nối với hệ thống giám sát an toàn thông tin mạng quốc gia.

- Tổng số máy tính trong các cơ quan, đơn vị, địa phương được triển khai phần mềm phòng, chống mã độc tập trung của tỉnh là 930 máy tính (đạt tỷ lệ khoảng 28%). Hệ thống giám sát mã độc tập trung kết nối và chia sẻ dữ liệu thường xuyên với hệ thống giám sát an toàn thông tin mạng quốc gia.

- Tổ chức 01 Hội nghị diễn tập thực chiến an toàn thông tin, ứng cứu sự cố đối với các hệ thống thông tin đặt tại Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh với sự tham gia của 60 thành viên đội ứng cứu sự cố của tỉnh.

### 2. Hạn chế

- Vẫn còn một số cơ quan, đơn vị, người đứng đầu chưa quan tâm đúng mức đến việc triển khai các giải pháp an toàn thông tin, giải pháp an toàn dữ liệu.

- Nhân lực an toàn thông tin mạng chưa đáp ứng yêu cầu, chủ yếu là cán bộ phụ trách công nghệ thông tin tại các đơn vị, kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ.

<sup>4</sup> Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh, Sở Khoa học và công nghệ, Sở Tài chính, Sở Công thương, Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Tư pháp, Ban Dân tộc, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Xây dựng, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Nội vụ, Thanh tra tỉnh, Ban Quản lý các KCN tỉnh, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Y tế

- Tỷ lệ máy tính được cài đặt phần mềm phòng chống mã độc tập trung trên toàn tỉnh còn thấp.

Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022		Tăng/ Giảm
	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	
Số đơn vị được phê duyệt cấp độ an toàn thông tin	0	0%	20/27	74%	+74%
Số lượng hệ thống thông tin đã được phê duyệt ATTT theo cấp độ	0	0%	49/67	73%	+73%
Triển khai Hệ thống giám sát an toàn thông tin mạng (SOC)	63/69	91,3%	68/69	99%	+7,7%
Tỷ lệ máy tính cài đặt phần mềm phòng, chống mã độc tập trung của tỉnh	2.239/ 3.128	71,5%	930/ 3.301	28%	-43,5%
Diễn tập an toàn thông tin, ứng cứu sự cố	0	0	1	100%	+100%

## VI. CHÍNH QUYỀN SỐ

### 1. Kết quả đạt được

*Các hệ thống nền tảng, phát triển dữ liệu ứng dụng, dịch vụ:*

- Tỉnh đã xây dựng Nền tảng chia sẻ, tích hợp của tỉnh (LGSP) và Kho dữ liệu dùng chung theo Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Đắk Nông phiên bản 2.0. đã kết nối với Chính phủ, kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp, cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm, hệ thống cấp phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến, ... phục vụ phát triển Chính quyền số.

*Về triển khai ứng dụng Nền tảng dữ liệu số nông nghiệp trên địa bàn tỉnh (theo Kế hoạch hoạt động của Ủy ban Quốc gia về Chuyển đổi số năm 2022 tại Quyết định số 27/QĐ-UBQGCS ngày 15/3/2022)*

UBND tỉnh đã giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, các ngành, địa phương triển khai thực hiện chuyển đổi số ngành Nông nghiệp tỉnh Đắk Nông. Hiện nay, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang thu thập thông tin để tiến hành xây dựng cơ sở dữ liệu ngành nông nghiệp. Tiến hành đăng ký sử dụng tên miền cho Hệ thống thông tin ngành nông nghiệp (bản Demo) để tiến hành chạy thử và nhập dữ liệu của ngành nông nghiệp.

- *Cổng thông tin dữ liệu đất đai:* Hiện nay, đã triển khai công tác đo đạc, kê khai đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh. Trong đó các huyện: Đắk R'lấp, Tuy Đức, Đắk G'long, Đắk Song và Đắk Mil đã hoàn thành công tác đo đạc, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tuy nhiên đến thời điểm hiện tại tỉnh mới hoàn thành việc xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính huyện Đắk Rlấp (huyện điểm), các huyện còn lại đang tiếp tục thực hiện công tác xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý đất đai. Ngoài ra, các huyện: Cư Jút, Krông Nô và thành phố Gia Nghĩa đã thực hiện xong công tác đo đạc và đang tiến hành triển khai đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.



*Hệ thống quản lý văn bản và điều hành (phiên bản 5.0):*

- Hiện nay, 100% cơ quan, đơn vị nhà nước cấp tỉnh đến cấp xã và kết nối với 100% cơ quan Khối Chính quyền từ cấp tỉnh đến cấp xã để gửi nhận văn bản điện tử qua môi trường mạng và đã liên thông với trực liên thông văn bản quốc gia của Văn phòng Chính phủ, các Bộ, ngành (cụ thể: 19/19 Sở, Ban, ngành cấp tỉnh; 08/08 UBND huyện, thành phố; 71/71 UBND các xã, phường, thị trấn, 352 các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập, trực thuộc). Hệ thống đã liên thông với một số đơn vị ngành dọc như: Bảo hiểm xã hội tỉnh, Cục Thuế tỉnh, Kho bạc Nhà nước Đắk Nông, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, Cục Thống kê tỉnh.

*Việc triển khai dịch vụ công trực tuyến:*

- 08/08 huyện, thành phố (đạt tỷ lệ 100%); 17/18 <sup>5</sup>Sở, ban, ngành (đạt tỷ lệ 94,4%) trên địa bàn tỉnh đã triển khai niêm yết thủ tục hành chính bằng mã QR-code.

- Cổng dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) của tỉnh đã tích hợp ứng dụng một cửa điện tử liên thông của tỉnh, được triển khai cho toàn tỉnh bao gồm: 19/19 Sở, ngành tập trung tại Trung tâm Hành chính công của tỉnh; 08/08 UBND huyện, thành phố; 71/71 xã, phường, thị trấn; 352 các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập, trực thuộc. Tính hết tháng 10/2022, tổng số thủ tục hành chính tỉnh Đắk Nông đang triển khai là 1.703 TTHC, trong đó, có **423** dịch vụ công mức độ 3 và **653** dịch vụ công mức độ 4, đã thực hiện kết nối thành công 500 thủ tục hành chính của tỉnh lên Cổng dịch vụ công Quốc gia. Số lượng DVCTT phát sinh hồ sơ mức độ 3 là 120, đạt tỷ lệ 28,3%, mức độ 4 là 110, đạt tỷ lệ 16,8%. Số lượng hồ sơ tiếp nhận và xử lý trực tuyến mức độ 3 là 73.115, đạt tỷ lệ 67,6%, mức độ 4 là 26.254, đạt tỷ lệ 34%. Các đơn vị có tỷ lệ DVCTT phát sinh hồ sơ, tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận và xử lý trực tuyến cao nhất gồm: Sở Giao thông vận tải, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

*Việc triển khai cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư:* đã triển khai thực hiện 17/25 thủ tục hành chính thiết yếu trên cổng dịch vụ công quốc gia và cổng dịch vụ công của Bộ Công an, trong đó, có 11 thủ tục hành chính thiết yếu do cơ quan Công an thực hiện, 6/14 thủ tục hành chính thiết yếu trên cổng dịch vụ công<sup>6</sup>.

- Phục vụ công dân số: đã thu nhận hồ sơ cấp CCCD cho **63.936** trường hợp; Đăng ký tài khoản định danh điện tử cho công dân: **48.201** trường hợp (ước tính đạt tỷ lệ 72,5%). Tính đến ngày 19/9/2022, Bảo hiểm xã hội Việt Nam phối hợp với Bộ Công an đồng bộ dữ liệu Căn cước công dân với thẻ bảo hiểm y tế còn hiệu lực của tỉnh Đắk Nông là **193.982** trường hợp phục vụ việc dùng thẻ CCCD để khám chữa bệnh dần thay thế thẻ Bảo hiểm y tế. Qua đó, có **83/85** cơ sở KCB thực hiện khám chữa bệnh bằng thẻ CCCD thay thế BHYT với **5.709** lượt công dân sử dụng CCCD để khám chữa bệnh thay thế BHYT.

<sup>5</sup> 01 đơn vị chưa triển khai là Sở Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng UBND tỉnh không có thủ tục hành chính

<sup>6</sup> Đăng ký khai sinh; Đăng ký khai tử; Đăng ký kết hôn; Liên thông đăng ký khai sinh đăng ký thường trú - cấp thẻ bảo hiểm Y tế cho trẻ dưới 6 tuổi; Cấp đổi, cấp lại giấy phép lái xe; cấp phiếu lý lịch tư pháp do các Sở, Ban, ngành, địa phương thực hiện

- Hiện nay, tỉnh đang rà soát, bổ sung thiết bị an toàn thông tin tại Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh để kết nối, khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

*Cơ sở dữ liệu về đoàn viên, thanh niên:*

- Đã triển khai thu thập, số hóa dữ liệu 28.514/31.181 Đoàn viên thanh niên, tỷ lệ 91,53% (Top 10 tỉnh đã số hóa dữ liệu Đoàn viên thanh niên) phục vụ công tác quản lý Đoàn viên thanh niên trên địa bàn tỉnh.

## 2. Hạn chế

- Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu hai chiều từ hệ thống thông tin của tỉnh với các cơ sở dữ liệu quốc gia còn nhiều vướng mắc, do mức độ sẵn sàng từ phía hệ thống thông tin của các Bộ, ngành chủ quản với tỉnh còn khác nhau.

- Việc cung cấp, sử dụng dịch vụ công trực tuyến tuy có những chuyển biến tích cực về số lượng, nhưng chưa đáng kể, chưa đạt mục tiêu đã đề ra.

- Các nền tảng quan trọng như nền tảng số nông nghiệp, đất đai triển khai còn chậm, có nguy cơ không đạt mục tiêu đã đề ra.

- Hạ tầng công nghệ thông tin tại các cơ quan, đơn vị, địa phương nhất là bộ phận một cửa còn hạn chế, chưa bảo đảm tốt nhất cho triển khai Đề án 06 và dịch vụ công trực tuyến.

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Tăng/ Giảm
Nền tảng chia sẻ, tích hợp của tỉnh (LGSP)	Có	Có	
Kho dữ liệu dùng chung	Chưa	Có	
Hệ thống quản lý văn bản và điều hành đã liên thông với trực liên thông văn bản quốc gia	44,4%	100%	+55,6%
Tỷ lệ văn bản điện tử (có ký số)	68,9%	91,3%	+22,4%
Tỷ lệ DVCTT phát sinh hồ sơ trực tuyến			
<i>Mức 3</i>	13,7%	28,3%	+14,6%
<i>Mức 4</i>	16,8%	18%	+1,2%
Tỷ lệ hồ sơ phát sinh trực tuyến			
<i>Mức 3</i>	33,4%	67,6%	+34,2%
<i>Mức 4</i>	10,7%	34%	+23,3%
Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) mức 3, 4 của tỉnh lên Cổng dịch vụ công Quốc gia	36%	40,5%	+4,5%

## VII. VỀ KINH TẾ SỐ

### 1. Kết quả đạt được

- Hiện, có 03 doanh nghiệp công nghệ số hoạt động đóng chân trên địa bàn tỉnh nhưng đều là Chi nhánh của các tập đoàn, tổng công ty như VNPT, Viettel, Mobifone.

- Doanh thu về công nghiệp công nghệ thông tin lũy kế đến hết tháng 09/2022 ước tính đạt 1.607.294 triệu đồng. Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế

số trong GRDP ước tính 6,64%, tăng 0,25% so với năm 2021 (Theo số liệu thẩm định của Bộ Thông tin và Truyền thông năm 2021, tỷ trọng kinh tế số là 6,39%).

- Tỷ lệ doanh nghiệp đang hoạt động sử dụng hoá đơn điện tử là 100% (3.541/3.541 doanh nghiệp, tổ chức, hộ kinh doanh), Đắc Nông là một trong những địa phương về đích sớm nhất theo mục tiêu của Tổng cục Thuế. Tỷ lệ doanh nghiệp nộp thuế điện tử đạt 99,01%. Số tiền nộp thuế điện tử hết tháng 09/2022 đạt 395 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 97,5% trên tổng số tiền nộp thuế trên địa bàn tỉnh. 100% hồ sơ hoàn thuế giá trị gia tăng được tiếp nhận và xử lý hoàn toàn bằng phương thức điện tử.

- Đã thực hiện hỗ trợ đưa hàng hóa, sản phẩm nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử, đặc biệt là các hàng nông sản đạt tiêu chuẩn OCOP, VIETGAP, ... lên sàn 02 thương mại voso.vn và postmart.vn. Đến nay, đã hỗ trợ lên sàn thương mại điện tử cho 1.098 sản phẩm, trong đó có 47/47 sản phẩm OCOP và 1.051 sản phẩm nông nghiệp khác, tổng số giao dịch 17.993 lượt; Tổng số hộ sản xuất nông nghiệp đã được số hóa thông tin là 111.390 hộ, đạt 92,8% (Số liệu của Cục Thống kê trên địa bàn tỉnh khoảng 120.000 hộ SXNN). Số hộ SXKD được đào tạo về kỹ năng số là 120.037 hộ, đạt tỷ lệ 72%.

- Có khoảng 25% dân số tham gia mua sắm trực tuyến trên các sàn thương mại điện tử, mạng xã hội và các ứng dụng di động như: Lazada, Shopee, Sendo, Facebook, Zalo, ...

## 2. Hạn chế

- Bộ máy nhân lực để thúc đẩy phát triển kinh tế số tại các Sở, ngành, địa phương đều rất mỏng, hầu như chưa có.

Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022		Tăng/ giảm
	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	
Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP	2.211 tỷ đồng	6,39%	1.607 tỷ đồng	6,64%	+0,25%
Tỷ lệ doanh nghiệp nộp thuế điện tử và tỷ lệ doanh nghiệp đang hoạt động sử dụng hoá đơn điện tử	2.405	89%	3.541	100%	+ 11%
Hỗ trợ lên sàn thương mại điện tử	35 SP		1.051 SP		+ 1016 sp
Tổng số hộ sản xuất nông nghiệp đã được số hóa thông tin		Ước tính 20%	111.390 hộ	92,8%	+ 72,8%
Tỷ lệ dân số tham gia mua sắm trực tuyến (ước tính)		15%		25%	+ 10%

## VIII. VỀ XÃ HỘI SỐ

### 1. Kết quả đạt được

*Hồ sơ sức khỏe điện tử (HSSK):* Tổng số hồ sơ khởi tạo có tài khoản HSSK từ Bảo hiểm xã hội tỉnh (Thông tin chung; Thông tin thẻ BHYT; Thông tin quan hệ gia đình; Thông tin liên hệ) là **662.386 /664.416** đạt tỷ lệ 99,7%.

*Hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt (TTKDTM)*

- *Tại các ngân hàng thương mại, giao dịch điện tử:*

+ Hiện nay, một số dịch vụ ngân hàng (thanh toán, nhận tiền tiết kiệm) gần như được số hóa 100%. Đến cuối năm 2022 trên địa bàn tỉnh ước có 80 ATM hoạt động (tăng 02 ATM so với đầu năm). Mạng lưới máy chấp nhận thẻ (POS) đang còn hoạt động trên địa bàn tỉnh ước đến ngày 31/12/2022 đạt 307 máy (tăng 42 máy so với đầu năm); số đơn vị trả lương qua tài khoản đến cuối năm 2022 ước đạt 1.051 đơn vị, trong đó có 869 đơn vị hưởng lương từ ngân sách nhà nước; số tài khoản thanh toán các NHTM đã mở cho khách hàng đang còn hoạt động khoảng 393.915 tài khoản, ước tính tỷ lệ dân số có tài khoản ngân hàng là 59,3% (so với dân số năm 2021 là 664.416 người), sản phẩm TTKDTM bằng phương pháp quét mã QR code ước đến ngày 31/12/2022 có khoảng 1.800 đơn vị chấp nhận thanh toán.

- 90% (862 tỷ đồng) tổng số thu ngân sách nhà nước (NSNN) được hạch toán bằng phương thức điện tử (cùng kỳ năm 2021 đạt 78%), các khoản chi NSNN qua ngân hàng ước đạt hơn 99%/tổng số chi NSNN (284 tỷ đồng) tại KBNN tỉnh (cùng kỳ năm 2021 đạt 98%).

- *Hoạt động TTKDTM đối với dịch vụ công:* Hoạt động TTKDTM đối với dịch vụ công trên địa bàn trong năm 2022 đã có những chuyển biến tích cực, được cải thiện đáng kể cả về quy mô, chất lượng thanh toán:

+ 100% cơ sở điện lực trên địa bàn chấp nhận TTKDTM, doanh thu tiền điện của Công ty điện lực Đắk Nông thanh toán qua phương thức điện tử. Tính đến 30/9/2022, đã phát sinh 669 tỷ đồng tiền điện (985.340 hóa đơn) được thanh toán bằng phương thức KDTM, tăng 470 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2021, chiếm 75,92% tổng doanh thu tiền điện của đơn vị (cùng kỳ năm 2021 đạt 66%).

+ Có 5/10 NHTM phát sinh thu tiền nước qua ngân hàng, doanh số thu trong kỳ báo cáo đạt 06 tỷ đồng (với 10.417 giao dịch).

+ 100% các cơ sở giáo dục và đào tạo trên địa bàn chấp thuận thanh toán học phí qua ngân hàng, đạt 534 triệu đồng (tăng 487 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2021).

+ Đối với hoạt động chi trả an sinh xã hội: Tính đến ngày 30/9/2022 số người hưởng nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp qua ngân hàng bình quân đạt 84% (cùng kỳ năm 2021 đạt 79%), với chi trả cho 5.540 lượt người<sup>7</sup>. Ước tính đến ngày 31/12/2022 số người hưởng nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp qua tài khoản ngân hàng bình quân đạt 86%/ tổng số người thụ hưởng.

<sup>7</sup> Cụ thể: chi trả lương hưu cho 2.611 người (đạt 43%); chi trợ cấp BHXH 01 lần cho 881 người (đạt 95%); chi trợ cấp BHTN 975 lượt người (đạt 100%) tổng số chi tại BHXH (cùng kỳ năm 2021 đạt 94%); chi trả ốm đau, thai sản, dưỡng sức phục hồi sức khỏe đạt 100% tổng số chi với 1.073 lượt người thụ hưởng.

- *Đối với ngành y tế:* Đến nay có 03/9 cơ sở khám chữa bệnh (Bệnh viện đa khoa tỉnh, Trung tâm y tế huyện Đăk G'Long, Trung tâm Y tế huyện Đăk R'Lấp) đã thực hiện thanh toán viện phí không dùng tiền mặt.

- *Đối với ngành giáo dục:* Toàn tỉnh có 238/386 (đạt tỷ lệ 65%) cơ sở giáo dục, trường học triển khai hình thức thanh toán không dùng tiền mặt, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý của nhà trường, giải pháp tích cực góp phần minh bạch hóa khoản thu trong nhà trường.

- *Triển khai Địa chỉ số gắn với bản đồ số:* Tổng số hộ gia đình có địa chỉ số là 174.249 hộ (đạt 100%).

- *Chữ ký số cá nhân:* Tổng số chữ ký số cá nhân trong các cơ quan nhà nước khoảng 2.531, ước tính có khoảng 250 chữ ký số cá nhân tại các doanh nghiệp, hộ sản xuất kinh đang hoạt động (ước tính đạt tỷ lệ khoảng 4,18% trên tổng dân số trên địa bàn tỉnh).

## 2. Hạn chế

Kỹ năng số của người dân còn chưa cao và tập trung chủ yếu ở giới trẻ; số lượng người dùng các nền tảng số phục vụ đào tạo, học tập trực tuyến, đọc sách trực tuyến còn thấp; người dân chưa thực sự quan tâm đến việc tự đảm bảo an toàn thông tin trên môi trường mạng.

Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022		Tăng/ Giảm
	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	
Tỷ lệ Hồ sơ sức khoẻ điện tử	661.312	99,5%	662.386	99,7%	+ 49,7%
Tỷ lệ cơ sở y tế, bệnh viện triển khai thanh toán không dùng tiền mặt	0	0%	3	30%	+ 30%
Tỷ lệ cơ sở giáo dục, trường học triển khai thanh toán không dùng tiền mặt	0	0%	238	74%	+ 74%
Triển khai địa chỉ số gắn với bản đồ số	174.249	100%	174.249	100%	0%
Cơ sở điện lực thanh toán KDTM	8	100%	8	100%	0
Số ngân hàng phát sinh thu tiền nước	4/9	44,4%	5/10	50%	+5,6%
Tỷ lệ dân số (trên 15 tuổi) có tài khoản ngân hàng	358.784	79,17	393.915	86,91%	+7,74%

## IX. VỀ KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí bố trí cho các nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh trong năm 2022 khoảng 40.659.000.000 đồng trong đó, ngân sách nhà nước là 40.319.000.000 đồng, kinh phí xã hội hóa 340.000.000 đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục II kèm theo).

## PHẦN II. ĐÁNH GIÁ SO VỚI CHỈ TIÊU

**I. ĐÁNH GIÁ THEO CHỈ TIÊU NĂM 2022** (Theo Quyết định số 231/QĐ-UBND ngày 26/1/2022 của UBND tỉnh về Kế hoạch chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin mạng tỉnh Đắk Nông năm 2022)

STT	Chỉ tiêu	Kết quả năm 2022	Mục tiêu năm 2022
	<b>Các chỉ tiêu đã đạt được</b>		
<b>I</b>	<b>Hạ tầng số</b>		
1	Tỷ lệ hộ gia đình có cáp quang băng rộng	53,65 %	50%
2	Phủ sóng băng rộng di động 3G/4G tới thôn, bon, bản	<b>98%</b>	100%
3	Số thuê bao băng rộng di động/100 dân	75,12%	70%
4	Tỷ lệ người dân có điện thoại thông minh	88,74%	60%
<b>II</b>	<b>Nhân lực số</b>		
1	Tổ công nghệ số cộng đồng	100%	100%
<b>III</b>	<b>An toàn thông tin</b>		
1	Máy tính đủ điều kiện được cài đặt phần mềm phòng chống mã độc tập trung	<b>28%</b>	100%
2	HTTT được xác định cấp độ	73%	70%
<b>IV</b>	<b>Hoạt động Chính quyền số</b>		
1	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức 4 đủ điều kiện	100%	100%
2	Tỷ lệ DVCTT tích hợp trên Cổng DVC Quốc gia	<b>46,5%</b>	60%
3	Tỷ lệ DVCTT phát sinh hồ sơ mức độ 3, 4	<b>21,4%</b>	50%
4	Tỷ lệ xử lý trực tuyến mức độ 3, 4	<b>24,2%</b>	30%
5	Hệ thống quản lý văn bản và điều hành đã liên thông với trực liên thông văn bản quốc gia	100%	100%
6	Tỷ lệ văn bản điện tử	<b>91,3%</b>	92%
7	Tỷ lệ hồ sơ công việc (ước tính)		
	<i>Cấp tỉnh</i>	<b>30%</b>	75%
	<i>Cấp huyện</i>	<b>20%</b>	65%
	<i>Cấp xã</i>	<b>10%</b>	45%
8	Trung tâm điều hành thông minh cấp tỉnh	01	0
9	Cơ quan nhà nước tham gia dữ liệu mở	<b>0%</b>	30%

<b>V</b>	<b>Hoạt động Kinh tế số</b>		
1	Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP	6,64%	5%
2	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử	100%	80%
3	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số	29,46%	20%
4	Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực	-	-
<b>VI</b>	<b>Hoạt động Xã hội số</b>		
1	Dân số trưởng thành có tài khoản thanh toán điện tử (ước tính)	<b>29,3%</b>	50%
2	Dân số trưởng thành có chữ ký số cá nhân (ước tính)	4,18%	0,2%
3	Tỷ lệ trường học, bệnh viện thanh toán không dùng tiền mặt ( <i>tính trung bình</i> )	<b>47,5%</b>	50%
4	Tỷ lệ người dân sử dụng ứng dụng định danh số	72,5%	20%
5	Tỷ lệ người dân của tỉnh có Hồ sơ sức khỏe điện tử và sử dụng ứng dụng PC-Covid	99,7%	50%

**II. BẢNG CHỈ TIÊU ĐẾN NĂM 2025 TRÊN 03 TRỤ CỘT CHUYỂN ĐỔI SỐ** (Theo chỉ tiêu, mục tiêu của Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 01/11/2021 của Tỉnh ủy về Chuyển đổi số tỉnh Đắk Nông đến năm 2025, định hướng đến năm 2030)

Chỉ tiêu	Kết quả năm 2022	Mục tiêu năm 2025
<b>Các chỉ tiêu đã đạt được</b>		
<b>Chính quyền số</b>		
Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức 4	38,3%	80%
Tỷ lệ hồ sơ công việc (ước tính)		
<i>Cấp tỉnh</i>	30%	90%
<i>Cấp huyện</i>	20%	80%
<i>Cấp xã</i>	3%	60%
Cơ sở dữ liệu dùng chung được kết nối, chia sẻ	37,5%	100%
Trung tâm điều hành thông minh		
<i>Cấp huyện</i>	0	Tối thiểu 02
Trung tâm điều hành thông minh		
<i>Cấp tỉnh</i>	<b>01</b>	01
<b>Kinh tế số</b>		
Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP	6,64%	10%

Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử (ước tính)	5%	50%
Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số	<b>29,46%</b>	30%
Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực	-	10%
Năng suất lao động hằng năm tăng	-	Tối thiểu 6%
<b>Xã hội số</b>		
Phổ cập mạng di động 4G/5G	<b>98%</b>	100%
Tỷ lệ hộ gia đình có Internet cáp quang băng rộng	53,65 %	80%
Tỷ lệ xã, phường, thị trấn có Internet cáp quang băng rộng	<b>100%</b>	100%
Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử (ước tính)	20%	50%

Trên đây là Báo cáo kết quả 01 năm thực hiện công tác chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Đắk Nông theo Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 01/11/2021 của Tỉnh ủy. Kính đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông xem xét, tổng hợp./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Thông tin và Truyền thông (b/c);
- Cục Chuyển đổi số Quốc gia, Bộ TTTT (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các thành viên BCD chuyển đổi số tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Đắk Nông;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TTPVHCC, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Hồ Văn Mười**




**PHỤ LỤC I**  
**DANH MỤC VĂN BẢN BAN HÀNH VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA**  
**UBND TỈNH, CHỦ TỊCH UBND TỈNH NĂM 2022**  
*(Kèm theo Báo cáo số 73/BC-UBND ngày 28/11/2022 của UBND tỉnh)*

STT	Số ký hiệu	Ngày ban hành	Trích yếu
1	01/2022/QĐ-UBND	05/01/2022	Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống quản lý văn bản và điều hành trong hoạt động của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Nông
2	07/2022/QĐ-UBND	26/01/2022	Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống thư điện tử công vụ tỉnh Đắk Nông
3	549/QĐ-UBND	18/3/2022	Ban hành mã định danh của các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông phục vụ kết nối chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các Bộ, ngành, địa phương
4	64/QĐ-UBND	11/01/2022	Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống giao ban trực tuyến tỉnh Đắk Nông
5	231/QĐ-UBND	26/01/2022	Ban hành Kế hoạch chuyển đổi số và an toàn thông tin mạng tỉnh Đắk Nông năm 2022
6	01/CT-UBND	11/01/2022	Khẩn trương nâng cao chỉ số Chính quyền số năm 2022 và những năm tiếp theo
7	386/QĐ-UBND	16/02/2022	Kiện toàn Ban chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Đắk Nông
8	440/QĐ-UBND	28/02/2022	Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, giai đoạn 2021-2025
9	468/QĐ-UBND	01/3/2022	Ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông
10	121/KH-UBND	04/3/2022	Triển khai thí điểm chuyển đổi số cấp sở, cấp huyện, cấp xã
11	204/QĐ-UBND	25/01/2022	Phê duyệt Kiến trúc ICT phát triển Đô thị thông minh tỉnh Đắk Nông, phiên bản 1.0
12	570/QĐ-UBND	21/3/2022	Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 01/11/2022 của Tỉnh ủy về Chuyển đổi số tỉnh Đắk Nông đến năm 2025, định hướng đến năm 2030
13	180/KH-UBND	06/4/2022	Triển khai thực hiện Đề án "Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030"
14	183/KH-UBND	07/4/2022	Thực hiện Đề án "Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến



			thương mại" trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2022 và kế hoạch khung giai đoạn 2022-2025
15	712/QĐ-UBND	14/4/2022	Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Đắk Nông
16	760/QĐ-UBND	25/4/2022	Ban hành Bộ chỉ số đánh giá, xếp hạng Chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước tỉnh Đắk Nông
17	762/QĐ-UBND	25/4/2022	Ngày chuyển đổi số tỉnh Đắk Nông
18	237/KH-UBND	10/5/2022	Triển khai thực hiện Đề án xác định Chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Đắk Nông
19	381/QĐ-UBND	10/5/2022	Thành lập Tổ giúp việc Ban chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Đắk Nông
20	259/KH-UBND	18/5/2022	Thực hiện Chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số
21	261/KH-UBND	20/5/2022	Thực hiện Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030" trên địa bàn tỉnh Đắk Nông
22	293/KH-UBND	01/6/2022	Phát triển kinh tế số và xã hội số tỉnh Đắk Nông đến năm 2025, định hướng đến năm 2030
23	294/KH-UBND	01/6/2022	Thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục, bệnh viện, cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2022
24	352/KH-UBND	21/6/2022	Thúc đẩy người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2022
25	196/KH-UBND	19/4/2022	Số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực thuộc phạm vi, chức năng quản lý của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh theo Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ
26	338/KH-UBND	14/6/2022	Đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nhân lực về chuyển đổi số, an toàn thông tin tỉnh Đắk Nông năm 2022
27	1312/QĐ-UBND	08/08/2022	Ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Đắk Nông đến năm 2025
28	561/KH-UBND	29/09/2022	Phân công theo dõi, cải thiện, nâng cao Chỉ số đánh giá chuyển đổi số (DTI) tỉnh Đắk Nông năm 2022 và các năm tiếp theo
29	531/KH-UBND	19/09/2022	Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2022 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông
30	290/KH-UBND	31/5/2022	Thực hiện Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2025

31	419/KH-UBND	19/07/2022	Tập huấn "Nâng cao năng lực chuyển đổi số cho Chính quyền địa phương, doanh nghiệp và người dân - Hướng đến một quốc gia số toàn diện"
32	1731/QĐ-UBND	28/10/2022	Ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh Đắk Nông
33	1552/QĐ-UBND	19/9/2022	Ban hành Bộ chỉ số đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số tại các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Nông
34	1542/QĐ-UBND	15/9/2022	Ban hành Kế hoạch chuyển đổi số ngành tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông đến năm 2025, định hướng đến năm 2030
35	1312/QĐ-UBND	08/8/2022	Quyết định Ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Đắk Nông đến năm 2025
36	1153/QĐ-UBND	18/07/2022	phê duyệt Đề án phát triển đô thị thông minh tỉnh Đắk Nông đến năm 2025, định hướng đến năm 2030
37	952/QĐ-UBND	06/6/2022	Phê duyệt Đề án "Số hóa dữ liệu hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2022 - 2023"
38	877/QĐ-UBND	20/5/2022	Quyết định quy định việc cung cấp thông tin trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Đắk Nông
39	43/2022/QĐ-UBND	10/11/2022	Quyết định này Quy chế quản lý, vận hành và khai thác cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Đắk Nông

Danh mục văn bản được cập nhật thường xuyên tại Chuyên mục Chuyển đổi số trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh tại địa chỉ <https://daknong.gov.vn/> 

**PHỤ LỤC II**  
**TỔNG HỢP KINH PHÍ CHI CHO CÁC NHIỆM VỤ CHUYỂN ĐỔI SỐ TỈNH ĐẮK NÔNG NĂM 2022**  
*(Kèm theo Báo cáo số 712/BC-UBND ngày 28/11/2022 của UBND tỉnh)*

*DVT: VNĐ*

STT	Tên hạng mục, dự án	Đơn vị triển khai	Danh mục đầu tư	Kinh phí	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Kinh phí các dự án, nhiệm vụ</b>			<b>37.199.000.000</b>	
1	App phục vụ du lịch của Công viên địa chất triển khai trên nền tảng máy chủ.	Ban quản lý Công viên địa chất tỉnh Đắk Nông	Phần mềm	237.000.000	
2	Lắp đặt camera giám sát an ninh trên địa bàn huyện Đắk R'lấp	Công an huyện Đắk R'lấp	Hạ tầng	477.000.000	
3	Chuyển đổi IPv4 sang IPv6	Sở Thông tin và Truyền thông	Hạ tầng	1.800.000.000	
4	Xây dựng hệ thống số hóa và lưu trữ dữ liệu chuyên ngành di sản văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Hạ tầng, phần mềm	2.669.000.000	
5	Dự án Chính quyền điện tử tỉnh Đắk Nông	Sở Thông tin và Truyền thông	Phần mềm	5.000.000.000	
6	Dự án Chính quyền điện tử hướng đến Chính quyền số và đô thị thông minh tỉnh Đắk Nông	Sở Thông tin và Truyền thông	Hạ tầng, phần mềm	7.000.000.000	
7	Xây dựng phần mềm theo dõi, giám sát thiên tai tỉnh Đắk Nông	Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Đắk Nông	Phần mềm	480.000.000	

8	Xây dựng website chuyên dùng của Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn	Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Đắk Nông	Phần mềm	150.000.000	
9	Phần mềm đánh giá, xếp hạng chỉ số chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước tỉnh Đắk Nông	Sở Thông tin và Truyền thông	Phần mềm	850.000.000	
10	Hệ thống giao ban trực tuyến Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông	Hạ tầng	1.500.000.000	
11	xây dựng đề án đô thị thông minh tỉnh Đắk Nông đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	Sở Thông tin và Truyền thông	Khác	315.000.000	
12	Nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật tại Trung tâm hành chính công tỉnh và Bộ phận một cửa cấp huyện, cấp xã (phục vụ theo Đề án 06)	Văn phòng UBND tỉnh, UBND 07 huyện, thành phố Gia Nghĩa	Hạ tầng	4.300.000.000	
13	Lắp đặt thiết bị và phần mềm giám sát tại các bãi tập kết của các mỏ cát trên sông K'rông Nô	Sở Tài nguyên và Môi trường	Hạ tầng, phần mềm	3.900.000.000	
14	Dự án thí điểm chuyển đổi số ngành nông nghiệp tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2022-2025	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Hạ tầng, phần mềm	2.000.000.000	
15	Trang bị màn hình Led phục vụ các cuộc họp, sự kiện	Văn phòng UBND tỉnh	Hạ tầng	1.000.000.000	
16	Cung cấp thiết bị và phần mềm hệ thống quản lý lưu trữ hồ sơ, dữ liệu điện tử	Sở Nội vụ	Hạ tầng	86.000.000	
17	Nâng cấp trang thông tin điện tử Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Phần mềm	470.000.000	
18	Trang bị hệ thống quản lý hồ sơ và tuyển sinh đầu vào	Sở Giáo dục và Đào tạo	Phần mềm	1.200.000.000	

19	Phần mềm đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị, được tích hợp từ phần mềm đánh giá, xác định chỉ số cải cách hành chính của tỉnh	Sở Nội vụ	Phần mềm	432.000.000	
20	Xây dựng phần mềm tự động chấm điểm, quản lý sản phẩm OCOP(One commune one product) và tích hợp lên cổng thông tin điện tử của tỉnh, sàn thương mại điện tử và trang thông tin sản phẩm OCOP của tỉnh	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	Phần mềm	360.000.000	
21	Xây dựng phần mềm hệ thống thư viện điện tử thông minh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Phần mềm	1.936.000.000	
22	Triển khai phòng học trực tuyến tại Trường Chính trị tỉnh	Trường Chính trị tỉnh	Hạ tầng	316.000.000	
23	Xây dựng phần mềm đào tạo trực tuyến trường Cao đẳng Cộng đồng tỉnh	Trường Cao đẳng Cộng đồng tỉnh	Phần mềm	421.000.000	
24	Ngày chuyển đổi số, Hội thảo chuyển đổi số vì một cuộc sống tốt đẹp hơn	Sở Thông tin và Truyền thông	Tập huấn	180.000.000	KP xã hội hóa
25	Tập huấn Nâng cao năng lực chuyển đổi số cho Chính quyền địa phương, doanh nghiệp và người dân - Hướng đến một quốc gia số toàn diện	Sở Thông tin và Truyền thông	Tập huấn	120.000.000	KP xã hội hóa
<b>II</b>	<b>Kinh phí cho các nhiệm vụ về an toàn thông tin</b>			<b>3.460.000.000</b>	
1	Xây dựng trung tâm giám sát an toàn thông tin mạng (SOC) 3 năm	Sở Thông tin và Truyền thông	Phần mềm	3.420.000.000	
2	Diễn tập ứng cứu sự cố tỉnh năm 2022	Sở Thông tin và Truyền thông	Đào tạo	40.000.000	KP xã hội hóa
<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>40.659.000.000</b>	